

Số: **13** /2017/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **28** tháng **02** năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của ngành công thương trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 178/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ NNPTNT, Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 45/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định về hoạt động kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;



Căn cứ Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 5 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương về việc Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Thừa Thiên Huế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của ngành công thương trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

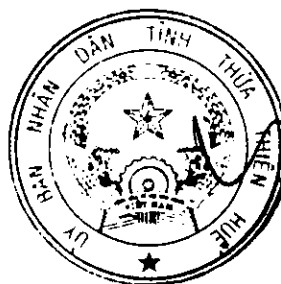
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2017.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Nội vụ, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Cục KTVBQPPL – Bộ Tư Pháp;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- CVP và các PCVP;
- Lưu: VT, CT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Ngọc Thọ

QUY ĐỊNH

**Quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của ngành công thương
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **13** /2017/QĐ-UBND ngày **28** tháng **02** năm 2017
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm; cấp Giấy xác nhận đăng ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm và cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với tổ chức, cá nhân (sau đây gọi tắt là cơ sở) sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Những nội dung không đề cập tại Quy định này được thực hiện theo Luật an toàn thực phẩm và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương (là các cơ sở sản xuất, kinh doanh các nhóm sản phẩm thực phẩm: rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột và tinh bột và các thực phẩm khác theo quy định của Chính Phủ, bao gồm tất cả các cơ sở trong chợ, trừ chợ đầu mối và chợ đấu giá nông sản), bao gồm các nhóm đối tượng sau:

a) Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có yêu cầu điều kiện bảo quản đặc biệt; cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp (không bao gồm chợ đầu mối và chợ đấu giá nông sản) được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư;

b) Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

c) Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ không thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

d) Cơ sở kinh doanh thực phẩm trong các chợ;

đ) Cơ sở kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn không yêu cầu điều kiện bảo quản đặc biệt theo quy định;

2. Sở Công Thương; UBND các huyện, thành phố, thị xã (sau đây viết tắt là UBND cấp huyện); Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện (sau đây viết tắt là phòng Kinh tế hạ tầng).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ* là cơ sở do cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình thực hiện đăng ký hộ kinh doanh và cơ sở không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. *Cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp* là cơ sở kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 02 (hai) Bộ trở lên.

3. *Thực phẩm bao gói sẵn* là thực phẩm được bao gói và ghi nhãn hoàn chỉnh, sẵn sàng để bán trực tiếp cho mục đích chế biến hoặc sử dụng để ăn ngay.

Chương II

CẤP GIẤY XÁC NHẬN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 4. Thẩm quyền cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

1. Sở Công Thương tổ chức kiểm tra, cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (gọi tắt là Giấy xác nhận) cho chủ cơ sở và người lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc các đối tượng nêu tại Điểm a, Khoản 1, Điều 2 Quy định này.

2. Phòng Kinh tế hạ tầng tổ chức kiểm tra, cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc các đối tượng nêu tại Điểm b, c, d, đ, Khoản 1, Điều 2 Quy định này.

Điều 5. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận

1. Hồ sơ đối với tổ chức gồm:

a) Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu 01 kèm theo Quy định này;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trường hợp không có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì nộp bản sao Giấy chứng minh nhân dân của chủ cơ sở và người lao động tham gia trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm;

c) Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí;

d) Danh sách đề nghị kiểm tra để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02 kèm theo Quy định này;

2. Hồ sơ đối với cá nhân gồm các thành phần quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này.

Điều 6. Thủ tục, quy trình cấp và hiệu lực Giấy xác nhận

1. Các tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm gửi 01 bộ hồ sơ (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) về cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận (hoặc Trung tâm hành chính công cấp tỉnh/huyện).

2. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận lập kế hoạch để tổ chức kiểm tra, xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và gửi thông báo thời gian, địa điểm tiến hành kiểm tra, xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho các tổ chức, cá nhân.

3. Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức kiểm tra, đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm bằng bộ câu hỏi, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho các tổ chức, cá nhân đạt yêu cầu theo Mẫu 03a, 03b, 03c kèm theo Quy định này (đã trả lời đúng trên 80% câu hỏi ở mỗi phần câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành trong bài kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm).

4. Danh mục tài liệu, bộ câu hỏi kiểm tra kèm theo đáp án trả lời được thực hiện theo Quyết định số 6409/QĐ-BCT ngày 21/7/2014 của Bộ Công Thương về việc ban hành danh mục tài liệu, bộ câu hỏi kiểm tra kèm theo đáp án trả lời và chỉ định cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm đối với chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

5. Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm có hiệu lực 03 (ba) năm kể từ ngày ký.

Điều 7. Lệ phí cấp Giấy xác nhận

Các cơ sở đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm có trách nhiệm nộp phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm. Trong trường hợp có Thông tư mới thay thế Thông tư trên thì được áp dụng theo văn bản hiện hành.

Chương III

CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 8. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Sở Công Thương cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm (gọi tắt là Giấy chứng nhận) cho cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc đối tượng tại Điểm a,b Khoản 1, Điều 2 Quy định này.

Điều 9. Hồ sơ, trình tự thủ tục cấp, thu hồi và hiệu lực Giấy chứng nhận

1. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền Sở Công Thương theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

2. Trình tự cấp và thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền Sở Công Thương theo quy định tại Điều 5 và Điều 9 Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

3. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm có hiệu lực trong thời gian 03 (ba) năm.

Điều 10. Phí, lệ phí cấp Giấy chứng nhận

Các cơ sở đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm có trách nhiệm nộp phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm. Trong trường hợp có Thông tư mới thay thế Thông tư trên thì được áp dụng theo văn bản hiện hành.

Chương IV
XÁC NHẬN CAM KẾT BẢO ĐẢM AN TOÀN
VỆ SINH THỰC PHẨM

Điều 11. Thẩm quyền xác nhận bản đăng ký cam kết bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm

Phòng Kinh tế hạ tầng xác nhận Bản đăng ký cam kết bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm cho các đối tượng nêu tại Điểm c, d, đ, Khoản 1, Điều 2 Quy định này.

Điều 12. Hồ sơ đăng ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm

Hồ sơ đề nghị xác nhận gồm 01 bộ:

1. Bản đăng ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm theo Mẫu 04a,04b kèm theo Quy định này (Số lượng: 02 bản).
2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có).
3. Bản sao Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm.
4. Bản sao Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất, kinh doanh thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh.

Điều 13. Thủ tục, quy trình xác nhận

1. Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nộp (trực tiếp hoặc qua bưu điện) 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 12 Quy định này đến Phòng Kinh tế hạ tầng (hoặc Trung tâm hành chính công cấp huyện) nơi cơ sở hoạt động sản xuất, kinh doanh để đăng ký.

2. Trong thời gian 5 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định, Phòng Kinh tế hạ tầng có trách nhiệm xác nhận đăng ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm trực tiếp vào Bản đăng ký bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở (bản gốc kết quả trả lại cho cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, bản sao kết quả được lưu cùng hồ sơ đề nghị tại Phòng Kinh tế hạ tầng).

Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu theo quy định, trong thời gian 3 (ba) ngày làm việc, Phòng Kinh tế hạ tầng thông báo bằng văn bản cho cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm về những điểm, nội dung chưa phù hợp để hoàn thiện hồ sơ.

Điều 14. Hiệu lực của Bản đăng ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm được xác nhận

1. Bản đăng ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm được Phòng Kinh tế hạ tầng xác nhận có hiệu lực trong thời gian 03 (ba) năm. Trước 01 (một) tháng

tính đến ngày Bản đăng ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm được xác nhận hết hạn, trong trường hợp tiếp tục sản xuất, kinh doanh thực phẩm, cơ sở phải nộp Bản đăng ký cam kết mới để được xác nhận.

2. Trường hợp Bản đăng ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm được xác nhận bị mất, bị hỏng hoặc thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở, thì cơ sở phải lập Bản đăng ký cam kết mới để được xác nhận, hiệu lực xác nhận được tính theo thời hạn của Bản đăng ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm được xác nhận trước đó.

3. Khi thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh, cơ sở phải lập hồ sơ theo quy định tại Điều 12 để được xác nhận phù hợp với địa điểm mới.

Điều 15. Thẩm quyền thu hồi Bản đăng ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm được xác nhận

1. Cơ quan xác nhận có quyền thu hồi Bản đăng ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm đã được xác nhận;

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp trên có quyền thanh tra, kiểm tra và thu hồi Bản đăng ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm do cơ quan có thẩm quyền cấp dưới đã xác nhận nếu phát hiện cơ sở vi phạm nghiêm trọng quy định về điều kiện an toàn thực phẩm.

Chương V

KIỂM TRA, GIÁM SÁT ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 16. Kiểm tra định kỳ

1. Căn cứ vào tình hình thực tế và yêu cầu kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm đối với từng cơ sở sản xuất, kinh doanh, Sở Công Thương, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm hằng năm đối với các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 2 Quy định này, theo thẩm quyền cấp phép, xác nhận.

2. Tần suất kiểm tra: không quá 01 (một) lần/năm đối với mỗi cơ sở.

3. Cơ quan kiểm tra phải thông báo kế hoạch kiểm tra cho cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày kiểm tra.

Điều 17. Kiểm tra đột xuất

1. Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra đột xuất khi có một trong các trường hợp sau:

a) Sản phẩm lưu thông trên thị trường không bảo đảm chất lượng, vi phạm an toàn thực phẩm hoặc không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

b) Cảnh báo của các tổ chức trong nước và quốc tế, các cơ quan có thẩm quyền về chất lượng, an toàn thực phẩm.

c) Theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm có thẩm quyền.

2. Cơ quan kiểm tra không cần phải thông báo trước việc kiểm tra cho cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Sở Công Thương

1. Chỉ đạo triển khai thực hiện và kiểm tra việc tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Phối hợp với các cơ quan liên quan, tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến, hướng dẫn các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm cho các đối tượng thuộc trách nhiệm quản lý của ngành công thương.

3. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước lĩnh vực an toàn thực phẩm ngành công thương thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp huyện.

4. Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc khi có yêu cầu, tổng hợp tình hình công tác quản lý nhà nước lĩnh vực an toàn thực phẩm ngành công thương bao gồm cả các đối tượng quy định tại Điều 2 Quy định này báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh theo quy định.

Điều 19. Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chỉ đạo các phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm ngành công thương theo phân cấp tại Quy định này; cập nhật, bổ sung bộ thủ tục hành chính và ban hành quy trình giải quyết hồ sơ một cửa đối với các thủ tục hành chính được phê cấp.

2. Phối hợp với Sở Công Thương trong việc quản lý nhà nước lĩnh vực an toàn thực phẩm ngành công thương trên địa bàn quản lý.

3. Lập dự toán kinh phí thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm ngành công thương theo phân cấp cùng với dự toán kinh phí thường xuyên hàng năm của UBND cấp huyện, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc khi có yêu cầu, tổng hợp tình hình công tác quản lý nhà nước lĩnh vực an toàn thực phẩm ngành công thương thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 Quy định này gửi về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công Thương theo quy định.

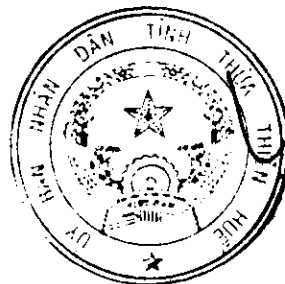
5. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm ngành công thương trên địa bàn quản lý.

Điều 20. Trách nhiệm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm

Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, kinh doanh; thực hiện đúng, kịp thời các yêu cầu tại quy định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu gặp khó khăn, vướng mắc đề nghị các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế và các tổ chức, cá nhân liên quan có ý kiến phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Ngọc Thọ



PHỤ LỤC

Danh mục các biểu mẫu

(Kèm theo Quy định Quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế được ban hành kèm theo Quyết định số **13** /2017/QĐ-UBND ngày **28** tháng **02** năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

1. **Mẫu 01:** Đơn đề nghị Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm
2. **Mẫu 02:** Danh sách đề nghị xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm
3. **Mẫu 03a:** Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm
4. **Mẫu 03b:** Danh sách được xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm
5. **Mẫu 03c:** Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm
6. **Mẫu 04a:** Bản đăng ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm (Đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ)
7. **Mẫu 04b:** Bản đăng ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm (Đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ)

Mẫu 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền xác nhận kiến thức về ATTP)

Tên tổ chức/cá nhân:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có) ; hoặc CMND đối với cá nhân số....., cấp ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....

Địa chỉ:....., Số điện thoại.....

Số Fax.....E-mail.....

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do Bộ Công Thương ban hành, chúng tôi/Tôi đã hiểu rõ các quy định và nội dung của tài liệu. Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá, xác nhận kiến thức cho chúng tôi/Tôi theo nội dung của tài liệu của Bộ Công Thương ban hành.

(Danh sách (1) gửi kèm theo - Mẫu số 03).

Địa danh, Ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện Tổ chức/cá nhân

Ký ghi rõ họ, tên, đóng dấu (nếu có)

* Ghi chú:

- (1): Áp dụng cho các tập thể, không áp dụng cho cá nhân

Mẫu 03a

TÊN CƠ QUAN XÁC
NHẬNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcGIẤY XÁC NHẬN
KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Số: /20... /XNKT- ký hiệu viết tắt của cơ quan xác nhận

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương; Quyết định số /2017/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế và nội dung, tài liệu kiến thức về an toàn thực phẩm của Bộ Công Thương.

.....(tên cơ quan xác nhận) xác nhận các Ông/bà thuộc tổ chức:

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số, cấp ngày...../...../.....

nơi cấp:

Điện thoại:Fax:.....

(có tên trong danh sách kèm theo Giấy này)

Có kiến thức cơ bản về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị hết ngày..... tháng năm

....., ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN XÁC NHẬN

(ký tên, đóng dấu)

Mẫu 03c

TÊN CƠ QUAN XÁC
NHẬNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcGIẤY XÁC NHẬN
KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Số: /20... /XNKT - ký hiệu viết tắt của cơ quan xác nhận

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương; Quyết định số /2017/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế và nội dung, tài liệu kiến thức về an toàn thực phẩm của Bộ Công Thương.

.....(tên cơ quan xác nhận) xác nhận:

Ông/ bà:

Địa chỉ:

Giấy CMTND số, cấp ngày...../...../....., nơi cấp:

Điện thoại:

Có kiến thức cơ bản về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị hết ngày..... tháng năm

....., ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN XÁC NHẬN

(ký tên, đóng dấu)

Mẫu 04a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ CAM KẾT BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM
(Đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ)

....., ngày tháng năm.....

Kính gửi: UBND huyện, thành phố, thị xã

Cơ sở sản xuất:.....

Người đại diện:

Điện thoại:

Loại hình sản xuất:

Địa chỉ:

CAM KẾT:

Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ tuân thủ đầy đủ các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định tại Mục 7 Chương VI Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 Sửa đổi, bổ sung 1 số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa Quốc tế, hóa chất, VLNCN, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, gồm các nội dung cụ thể như sau:

1. Đối với địa điểm, cơ sở vật chất:

Khu vực sản xuất thực phẩm phải được bố trí tại địa điểm không bị ngập nước, đọng nước, ô nhiễm bụi, hóa chất độc hại, không bị ảnh hưởng bởi động vật, côn trùng, vi sinh vật gây hại và có khoảng cách an toàn với các nguồn gây ô nhiễm khác.

Các công đoạn sản xuất sản phẩm thực phẩm phải được bố trí theo nguyên tắc và quy trình chế biến một chiều từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm cuối cùng.

Nền nhà khu vực sản xuất phải bằng phẳng, thoát nước tốt, không gây trơn trượt, không đọng nước và dễ làm vệ sinh; trần nhà không bị dột, thấm nước, rêu mốc và đọng nước.

2. Điều kiện đối với nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm và nước sử dụng để sản xuất, chế biến thực phẩm và bảo vệ môi trường

2.1. Nguyên liệu sử dụng để sản xuất, chế biến thực phẩm phải bảo đảm:

a) Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. Lưu giữ thông tin liên quan đến việc mua bán bảo đảm truy xuất được nguồn gốc;

b) Được bảo quản phù hợp với điều kiện, tiêu chuẩn và hướng dẫn bảo quản của nhà cung cấp;

c) Không được để chung với hàng hóa, hóa chất và những vật dụng khác có khả năng lây nhiễm chéo hoặc không bảo đảm an toàn thực phẩm.

2.2. Phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm sử dụng cho thực phẩm phải thuộc danh mục được phép sử dụng theo quy định của Bộ Y tế.

2.3. Cơ sở phải có đủ nước sạch để sản xuất, chế biến thực phẩm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống.

2.4. Chất thải rắn, nước thải trong khu vực sản xuất thực phẩm phải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và của địa phương.

3. Điều kiện trong bảo quản, lưu giữ thực phẩm

Duy trì điều kiện nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, thông gió và các yếu tố bảo đảm an toàn thực phẩm khác theo quy định và yêu cầu về bảo quản thực phẩm của nhà sản xuất.

Có biện pháp, dụng cụ chống côn trùng và động vật gây hại.

Sản phẩm thực phẩm không được để chung với hàng hóa, hóa chất và những vật dụng khác có khả năng lây nhiễm chéo hoặc không bảo đảm an toàn thực phẩm.

4. Điều kiện trong vận chuyển thực phẩm

Chủ cơ sở phải niêm yết tại cơ sở: Quy định đối với phương tiện, phương thức, điều kiện bảo quản và quản lý an toàn thực phẩm của sản phẩm trong quá trình vận chuyển thực phẩm trong khu vực sản xuất.

Không vận chuyển thực phẩm cùng các loại vật tư, nguyên liệu, hóa chất có thể gây nhiễm chéo ảnh hưởng đến chất lượng và an toàn thực phẩm của sản phẩm.

5. Đối với chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm

Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm phải có Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo chương trình do Bộ Công Thương quy định.

Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm bảo đảm yêu cầu về sức khỏe khi tham gia sản xuất thực phẩm; đối với những vùng có dịch bệnh tiêu chảy đang lưu hành theo công bố của cơ quan có thẩm quyền, người trực tiếp sản xuất thực phẩm phải được cấy phân và phải có kết quả âm tính với tác nhân gây dịch bệnh tiêu chảy này và vi khuẩn tả, lỵ trực khuẩn và thương hàn; việc xét nghiệm do các cơ sở y tế từ cấp quận, huyện và tương đương trở lên thực hiện.

Người đang mắc các bệnh hoặc chứng bệnh như Lao tiến triển, tiêu chảy cấp tính, bệnh tả, lỵ, thương hàn, viêm gan vi rút A hoặc E cấp tính, viêm đường hô hấp cấp tính, viêm da nhiễm trùng cấp không được tiếp xúc trực tiếp trong quá trình sản xuất, chế biến thực phẩm.

Người trực tiếp sản xuất thực phẩm phải mang trang phục bảo hộ riêng, đội mũ, đi găng tay chuyên dùng và đeo khẩu trang.

Người tiếp xúc trực tiếp trong quá trình sản xuất thực phẩm phải tuân thủ các quy định về thực hành vệ sinh: Giữ móng tay ngắn, sạch sẽ và không đeo nhẫn, đồ trang sức tay, đồng hồ; không được ăn uống, hút thuốc, khạc nhổ trong khu vực sản xuất thực phẩm.

Cơ sở cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm với Ủy ban nhân dân huyện/ thành phố/thị xã..... và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi để xảy ra tình trạng mất an toàn thực phẩm./.

Địa danh, ngày ... tháng ... năm...

NGƯỜI CAM KẾT

XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Số xác nhận: /XNCK-Ký hiệu viết tắt cơ quan xác nhận

Giấy xác nhận này có giá trị hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

Mẫu 04b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ CAM KẾT BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM
(Đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ)

....., ngày tháng năm.....

Kính gửi: UBND huyện, thành phố, thị xã

Cơ sở kinh doanh:.....

Người đại diện:

Điện thoại:

Nhóm sản phẩm kinh doanh: *(ghi cụ thể các nhóm sản phẩm kinh doanh tại cơ sở)*

Địa chỉ:

CAM KẾT:

Cơ sở kinh thực phẩm nhỏ lẻ tuân thủ đầy đủ các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định tại Mục 8 Chương VI Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 Sửa đổi, bổ sung 1 số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa Quốc tế, hóa chất, VLNCN, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, gồm các nội dung cụ thể như sau:

1. Đối với địa điểm, cơ sở vật chất:

Cơ sở kinh doanh thực phẩm được bố trí tại địa điểm không bị ngập nước, đọng nước, không bị ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm từ các khu vực ô nhiễm bụi, hóa chất độc hại, các nguồn gây ô nhiễm khác.

Không bị ảnh hưởng bởi động vật, côn trùng, vi sinh vật gây hại.

Nền nhà thoát nước tốt, không đọng nước và dễ làm vệ sinh; trần nhà không bị dột, thấm nước.

Cơ sở phải có đủ nước hợp vệ sinh để kinh doanh thực phẩm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc địa phương về chất lượng nước sạch sinh hoạt.

Có trang thiết bị hoặc biện pháp để duy trì các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm theo các quy định về bảo quản của nhà sản xuất và lưu giữ thông tin liên quan đến việc mua bán bảo đảm truy xuất được nguồn gốc thực phẩm.

Thu gom, xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với khu vực kho

Khu vực chứa đựng, kho bảo quản thực phẩm phải duy trì điều kiện nhiệt độ, độ ẩm; ánh sáng, thông gió và các yếu tố ảnh hưởng tới an toàn thực phẩm theo các quy định về bảo quản sản phẩm của nhà sản xuất.

Có biện pháp phòng, chống côn trùng và động vật gây hại.

Sản phẩm thực phẩm không để chung với hàng hóa, hóa chất và những vật dụng có khả năng gây mất an toàn thực phẩm.

3. Điều kiện đối với chủ cơ sở, người trực tiếp kinh doanh thực phẩm

Chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh thực phẩm phải có Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo chương trình do Bộ Công Thương quy định.

Chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh thực phẩm bảo đảm yêu cầu về sức khỏe khi tham gia kinh doanh thực phẩm; đối với những vùng có dịch bệnh tiêu chảy đang lưu hành theo công bố của cơ quan có thẩm quyền, người trực tiếp kinh doanh thực phẩm phải được cấy phân và phải có kết quả âm tính với tác nhân gây dịch bệnh tiêu chảy này và vi khuẩn tả, lỵ trực khuẩn và thương hàn; việc xét nghiệm do các cơ sở y tế từ cấp quận, huyện và tương đương trở lên thực hiện.

Người đang mắc các bệnh hoặc chứng bệnh như Lao tiến triển, tiêu chảy cấp tính, bệnh tả, lỵ, thương hàn, viêm gan vi rút A hoặc E cấp tính, viêm đường hô hấp cấp tính, viêm da nhiễm trùng cấp không được tiếp xúc trực tiếp trong quá trình kinh doanh thực phẩm.

Người trực tiếp kinh doanh thực phẩm đã qua chế biến và không bao gói phải sử dụng bảo hộ lao động (găng tay, khẩu trang).

Cơ sở cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm với Ủy ban nhân dân huyện/ thành phố/thị xã..... và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi để xảy ra tình trạng mất an toàn thực phẩm./.

Địa danh, ngày ... tháng ... năm...

XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Số xác nhận: /XNCK-Ký hiệu viết tắt cơ quan xác nhận

Giấy xác nhận này có giá trị hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

NGƯỜI CAM KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên)